

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 19/2024/HS-PT
Ngày: 12 -3 -2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Lê Minh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phan Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2024/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Như Vĩnh A, sinh năm: 1989 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: **Số G, Khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Như C** và bà **Đặng Thị T**; chưa có vợ, con; tiền án: có 02 tiền án: Tại Bản án số: 40/2016/HSST ngày 23/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/12/2017), Tại Bản án số: 99/2018/HSST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 05 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2022); tiền sự: không; Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 26/01/2015 của Trưởng **Công an P, thành phố B** xử phạt số tiền 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” (đã nộp phạt ngày 27/01/2015); Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 10/6/2015 của Trưởng **Công an phường P, thành phố B** xử phạt số tiền 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” (đã nộp phạt ngày 10/6/2015); bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/9/2023 cho đến nay, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 14/02/2023, Lực lượng Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre tuần tra trên tuyến Quốc lộ F, đoạn thuộc địa phận xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, Lực lượng tuần tra phát hiện Nguyễn Như Vĩnh A đang điều khiển xe mô tô Biển số 71B3-773.76 của A chở Trần Quang S, sinh năm: 1994, ĐKTT: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp lưu thông theo hướng từ thành phố B về huyện C, tỉnh Bến Tre có dấu hiệu bất thường nên tiếp cận để kiểm tra. Tại thời điểm Lực lượng Công an kiểm tra, S vút một túi nylon xuống đường, A điều khiển xe chạy tiếp; do nghi túi nylon S vút xuống đường là ma túy nên Lực lượng tuần tra truy đuổi yêu cầu A và S dừng xe; đồng thời báo cho Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đến kiểm tra. Kết quả kiểm tra, bên trong túi nylon do S vút xuống đường có chứa 06 (sáu) túi nylon màu trắng, hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp, bên trong các túi nylon có chứa nhiều tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên Lực lượng Công an tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S và A và thu giữ tang vật.

Đồ vật, tài sản thu giữ của Nguyễn Như Vĩnh A: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đỏ-đen-trắng, Biển số 71B3-773.76, số máy: KC26E1231332, số khung: RLHKC2603GY385200; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71027747; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số seri: FK1ZH404N72N, số Imei: 353969104287406; 01 (một) điện thoại di động hiệu N, số Imei 1: 353147114667969, số Imei 2: 353147119667964 không có sim, không có nắp đậy pin, màn hình bị nứt; 104.323.000 đồng VNĐ (một trăm lẻ bốn triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn đồng); 01 (một) tờ tiền Đôla USD mệnh giá 100 (một trăm) Đôla; 01 (một) tờ tiền Đôla USD mệnh giá 02 (hai) Đôla.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre tiến hành khám xét khẩn cấp nơi Nguyễn Như V An thuê ở tại Phòng số 10, nhà trọ Số C, Khu phố C, phường P, thành phố B do Huỳnh Ngọc Yến K, sinh năm: 1992, ĐKTT: Số I, Nguyễn H, Khu phố D, phường A, thành phố B làm chủ, thu giữ:

- 01 hộp giấy màu xám có kích thước 22cm x 16cm x 10cm, trên nắp có chữ “PEDRO”, bên trong hộp giấy có: 01 nỏ thủy tinh có phễu hình mỏ vịt, trong phễu có vệt màu vàng nghi là chất ma túy. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1. 01 (một) tép da màu đen có kích thước 22cm x 10cm, bên trong có ba nỏ thủy tinh có hình mỏ vịt. 01 (một) cân điện tử màu đen-trắng có kích thước 7,5cm x 4,5cm x 1,5cm. 01 (một) bình gas mini màu đỏ-vàng có kích thước 17,5cm x 4,3cm. 02 (hai) kéo kim loại trắng (một cây có kích thước 14cm đầu nhọn, phần cán rộng nhất 5 cm và một cây có kích thước 10cm, đầu nhọn, phần cán rộng nhất 4,5cm). 02

(hai) bật lửa (một cái màu đỏ và một cái màu xanh). 03 (ba) đoạn ống nhựa (một đoạn màu trắng dài 19cm, một đầu hàn kín, đầu còn lại vót nhọn; một đoạn màu vàng sọc trắng dài 16,5cm, một đầu hàn kín, đầu còn lại vót nhọn và một đoạn màu xanh sọc trắng dài 10cm, một đầu hàn kín, đầu còn lại vót nhọn). 01 (một) túi nylon màu vàng, bên trong chứa 18 túi nylon nhỏ được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ.

- 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa màu trắng, có nắp màu đỏ, kích thước 22cm x 3cm x 5,5cm, có nắp màu đỏ, trên nắp chai có hai lỗ (một lỗ gắn một nỏ thủy tinh có phễu hình mỏ vịt, trong nỏ có vệt màu nâu nghi là ma túy và một lỗ có gắn ống nhựa màu trắng); 01 (một) bật lửa màu trắng, trên đầu bật lửa có gắn 01 ống kim loại (tiêm lửa). Được niêm phong trong phong bì có mã số PS32000047.

- 01 (một) túi nylon màu trắng, kích thước 8,5cm x 5cm được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, bên trong túi có 11 viên nén màu nâu nghi là ma túy. Được niêm phong trong phong bì có mã số NS4 2000102.

Nguyễn Như Vĩnh A khai nhận: 06 (sáu) túi nylon màu trắng, hàn kín, bên trong túi có chứa nhiều tinh thể màu trắng mà Lực lượng Công an thu giữ khi bị bắt quả tang là của **Trần Quang S**, việc **S** tàng trữ trái phép chất ma túy **A** không biết và không liên quan đến số ma túy trên của **S**. 02 (hai) nỏ thủy tinh có phễu hình mỏ vịt (một phễu bên trong có vệt màu vàng và một phễu bên trong có vệt màu nâu) do Lực lượng Công an thu giữ khi khám xét là ma túy của **A** sử dụng còn lại.

Về nguồn gốc ma túy: khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/02/2023, **A** điều khiển xe mô tô Biển số 71B3-773.76 đến khu vực **Bến xe B ở xã S, thành phố B** gặp một người tên **S** (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) mua 200.000 đồng được 01 (một) gói ma túy đem về Phòng trọ **số A, nhà trọ Số C, Khu phố C, phường P, thành phố B** bỏ vào nỏ thủy tinh có phễu hình mỏ vịt, trong phễu có vệt màu vàng để sử dụng, còn lại một ít. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12/02/2023, **A** điều khiển xe mô tô Biển số 71B3-773.76 đến khu vực **Bến xe B** mua của **S** 200.000 đồng được 01 (một) gói ma túy đem về Phòng trọ số 10 nhà trọ **Số C, Khu phố C, phường P, thành phố B** bỏ vào nỏ thủy tinh có phễu hình mỏ vịt, trong nỏ có vệt màu nâu để sử dụng, còn lại một ít. Đến ngày 14/02/2023, bị Lực lượng Công an khám xét thu giữ.

Theo Bản kết luận giám định số 91/2023/KL-KTHS ngày 21/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự **Công an tỉnh B** kết luận: Vệt màu vàng bên trong phễu hình mỏ vịt được niêm phong trong phong bì có kí hiệu K1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1128 gam vệt màu nâu bên trong phễu hình mỏ vịt được niêm phong túi niêm phong mã số PS3 2000047 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0.0065 gam; 11 (mười một) viên nén màu nâu đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS42000102 gửi giám định không tìm thấy chất ma túy, khối lượng: 3,7046 gam.

Tổng khối lượng ma túy **A** tàng trữ: 0,1193 gam, loại Methamphetamine.

Do hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của **Nguyễn Như Vĩnh A** xảy ra trên địa bàn **phường P, thành phố B** nên ngày 28/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, tỉnh Bến Tre chuyển vụ việc trên cùng các đồ vật, tài sản thu giữ của **A** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** để xử lý theo thẩm quyền.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 104.323.000 đồng VNĐ (một trăm lẻ bốn triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó: 100.000.000 đồng VNĐ (một trăm triệu đồng) là của **Nguyễn Duy C1**, sinh năm: 1956, ĐKTT: **Số G, Khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre** (cha ruột của **A**) đưa **A** đi trả nợ dùm ông **C1** và 4.323.000 đồng VNĐ là của **A**; số tiền trên không liên quan đến việc phạm tội nên ngày 24/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả cho **Nguyễn Duy C1** 100.000.000 đồng VNĐ là có cơ sở.

Đối với 02 (hai) điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu Iphone và 01 điện thoại di động hiệu Nokia); số tiền 4.323.000 đồng VNĐ; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100 (một trăm) đô USD; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 02 (hai) đô USD là của **A** không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Đối với mẫu vật còn lại sau giám định: mẫu vật ký hiệu K1: 0,0506 gam là chất cấm lưu hành; mẫu vật mã số NS42000102: 2,6935 gam qua giám định không phải là ma túy; 01 hộp giấy màu xám; 01 tép da màu đen; 03 (ba) nỏ thủy tinh hình mỏ vịt; 01 (một) cân điện tử màu đen-trắng; 01 (một) bình gas mini màu đỏ-vàng; 02 (hai) kéo kim loại trắng; 02 (hai) bật lửa; 03 (ba) đoạn ống nhựa (mỗi đoạn đều hàn kín một đầu, một đầu còn lại vót nhọn); 01 (một) túi nylon màu vàng, bên trong chứa nhiều túi nylon nhỏ được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ là công cụ chứa và sử dụng trái phép chất ma túy; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đỏ-đen-trắng, Biển số 71B3-773.76 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71027747 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HS-ST ngày 03/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo **Nguyễn Như V** An phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/01/2024, bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** làm rõ hành vi của bị cáo đối với việc bị cáo biết túi ni lông của **S** cầm có chứa ma túy nhưng vẫn điều khiển xe chở **S** là có dấu hiệu của tội che giấu hoặc không tố giác tội phạm.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo ăn năn hối hận việc làm sai trái của mình; gia đình bị cáo có công với đất nước, trong đó có cây ruột là thương binh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: vào lúc 17 giờ 10 phút ngày 14/02/2023, tại Phòng số 10, Nhà trọ **số C, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, **Nguyễn Như Vĩnh A** đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,1193 gam ma túy, loại Methamphetamine do sử dụng được một phần, phần còn lại thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ. Bị cáo có hai tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo **Nguyễn Như V** An phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại

phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu, có hai tiền án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải, hoàn lương, mà tiếp tục phạm tội mới điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục. Mặt khác, tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần của con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy cần phải xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng. Việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định là cần thiết, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân và cai nghiện ma túy. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C làm rõ hành vi của bị cáo đối với việc bị cáo biết túi ni lông của S chứa ma túy nhưng vẫn điều khiển xe chở S là có dấu hiệu của tội che giấu hoặc không tố giác tội phạm sẽ được thực hiện bằng văn bản riêng.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và

Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2023.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Như Vĩnh A** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn